

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-PT
Ngày 01-03-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Ông Đỗ Văn Hiên

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Từ ngày 28 tháng 02 đến ngày 01 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 98/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Ngọc B cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện KP, tỉnh Gia Lai.

****Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Phạm Ngọc B, sinh năm 1979, tại huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Ph, xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Kh (đã chết) và bà Phạm Thị Kh; có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt giữ từ ngày 22/6/2020, chuyển sang tạm giam ngày 27/6/2020 và giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Đ, sinh năm 1992, tại huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Bản TR, xã DH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Mày; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ T1 và bà Hồ Thị X; có vợ và 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/5/2020 chuyển sang tạm giam ngày 12/5/2020 và giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Hồ Th, sinh năm 1993, tại huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Bản TR, xã DH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Mày; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Hồ X1 và bà Hồ Thị L; có vợ và 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/5/2020 chuyển sang tạm giam ngày 12/5/2020 và giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Hồ Q, sinh ngày 20/01/2000, tại huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Bản TR, xã DH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12(không biết chữ); dân tộc: Mày; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ L1 và bà Hồ Thị C; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/12/2019 chuyển sang tạm giam ngày 13/12/2019 và giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

5. Hồ B1, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2000, tại huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Bản HN, xã DH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Khùa; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Ph và bà Hồ Thị Th1 (đã chết); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/5/2020 chuyển sang tạm giam ngày 12/5/2020 và giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hồ Q và Hồ Th*: Bà Bùi Thị Phượng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hồ B1 và Hồ Đ*: Bà Ngô Thị Vân – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 11/2019, trong lúc đi tìm cây hoa Phong lan tại khu vực rừng thuộc xã U, huyện KP, tỉnh Gia Lai. Phạm Ngọc B phát hiện có nhiều cây gỗ Dổi thân cây có đường kính lớn nên nảy sinh ý định khai thác bán. B nhờ K2 và Đ2 (chưa rõ nhân thân lai lịch- là bạn mới quen khi đi lấy phong lan) tìm nhân công để khai thác. Sẵn quen biết với Hồ Đ từ trước, Đ2 về xã DH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình tìm gặp Đ và rủ thêm Hồ Th, Hồ Q và Hồ B1 vào Gia Lai khai thác gỗ, tất cả đồng ý. B, Đ2, K2 thỏa thuận với nhóm của Đ, cứ khai thác được và vận chuyển đến chỗ tập kết thì trả 6 triệu đồng/1m³. Theo hướng dẫn, Hồ Đ, Hồ Th, Hồ B1 và Hồ Q đi xe khách đến nhà trọ mà B mượn của anh Nguyễn Đăng H, trú tại: buôn ĐTh, xã Ch, huyện KP. Đến nơi, B hướng dẫn cho nhóm Đ về khu vực khai thác gỗ, loại gỗ cần khai thác và kích thước để xẻ gỗ. B, Đ2, K2 chuẩn bị cho nhóm Đ 03 xe mô tô độ chế, 01 máy cưa xích, xăng dầu và dụng cụ khai thác gỗ. Sau 2 ngày ở tại nhà trọ, B, Đ2, K2 cùng nhóm Hồ Đ vào khu vực rừng thuộc Tiểu khu 1375, thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông Ba, xã U, huyện KP. B ở lại 2 ngày thì về và dặn Đ khi nào làm được khoảng 10 hộp gỗ đưa xuống nơi tập kết thì gọi cho B. B điều khiển 01 xe mô tô về và để lại 02 xe mô tô cho nhóm của Đ dùng, K2 và Đ2 ở lại một ngày rồi điều khiển xe máy đi về. Sau khi B về, Đ là người cầm máy cưa để cắt hạ các cây gỗ và xẻ hộp, Thoan, Bảy và Quang thay nhau phụ Đ cưa cây xẻ hộp và gùi gỗ xuống điểm tập kết. Sau khoảng 20 ngày thì Đ gọi điện thoại cho B để vào rừng vận chuyển 18 hộp gỗ Dổi với kích thước theo

quy cách B hướng dẫn. Đến ngày 05/12/2019, đoàn liên ngành phát hiện các đối tượng đang khai thác gỗ và bắt giữ Hồ Q, còn Hồ Đ, Hồ B1 và Hồ Th cầm theo máy cưa bỏ chạy.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Địa điểm khai thác rừng trái pháp luật thuộc Lô 1 và lô 13 Khoảnh 4; Lô 1 Khoảnh 7; Tiểu khu 1375, thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông Ba, xã Uar, huyện KP, Gia Lai, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất thường xanh trung bình (TXB) và Rừng gỗ tự nhiên núi đất xanh giàu (TXG). Tại thời điểm khám nghiệm hiện trường, phát hiện 58 hộp gỗ xẻ, khối lượng 4,537 m³; chủng loại: Dổi, 01 xe máy độ chế không có biển kiểm soát. Lấy vị trí phát hiện 58 hộp gỗ làm trung tâm, tiến hành khám nghiệm hiện trường trong vòng bán kính 2 km, phát hiện 16 gốc cây gỗ bị khai thác trong đó có 15 cây gỗ Dổi và 01 cây gỗ Phay; các vết chặt nhận thấy dụng cụ chặt hạ bằng cưa xích; hình thức khai thác chọn lọc. Tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại: 41,249 m³ và 4,60 Ster củi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐG ngày 30/12/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện KP xác định thiệt hại về tài sản do hành vi khai thác rừng trái pháp luật của các đối tượng gây ra như sau: Gỗ tròn từ nhóm III đến nhóm VI, khối lượng: 41,249 m³ có giá là 566.584.035 đồng. Củi từ nhóm III đến nhóm VI, khối lượng: 4,60 Ster, có giá là 2.254.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị xâm phạm (về gỗ củi) là: 568.838.035 đồng. Kết luận giám định thiệt hại về môi trường rừng của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai ngày 02/07/2020 xác định giá trị thiệt hại về môi trường của 16 cây gỗ bị khai thác có khối lượng 41,249 m³ gỗ tròn và 4,60 ster củi nêu trên là 715.200.061 đồng.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ thẩm số 34/2021/HSST ngày 29-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện KP, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc B, Hồ Đ, Hồ Th, Hồ Q và Hồ B1 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc B 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 22 tháng 6 năm 2020.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hồ Đ 05 (Năm) năm tù, Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 08 tháng 5 năm 2020.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hồ Th 05 (Năm) năm tù, Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 08 tháng 5 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Hồ Q 05 (Năm) năm tù, Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 05 tháng 12 năm 2019.

Xử phạt bị cáo Hồ B1 05 (Năm) năm tù, Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 08 tháng 5 năm 2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm bồi thường dân sự, quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo luật định.

3. Kháng cáo của bị cáo

Trong thời hạn luật định các bị cáo Phạm Ngọc B, Hồ Đ, Hồ Th, Hồ Q và Hồ B1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại về bồi thường thiệt hại giá trị môi trường rừng.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, nhận tội. Xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phạm Ngọc B đề nghị xem xét giảm mức bồi thường thiệt hại về môi trường rừng.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc K2 và Đ2 chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự trong vụ án cùng với các bị cáo.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 hủy bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HSST ngày 29-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện KP, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện KP điều tra lại.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với quan điểm của Đại diện viện kiểm sát, đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HSST ngày 29-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện KP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, theo đó, bị cáo Phạm Ngọc B cùng các đối tượng K2, Đ2 bàn bạc và thuê các bị cáo Hồ Th, Hồ Đ, Hồ Q và Hồ B1 từ Quảng Bình vào huyện KP, tỉnh Gia Lai dùng máy cưa xích chặt phá 15 cây gỗ Dổi và 01 cây gỗ Phay với tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại là 41,249 m³ gỗ tròn và 4,60 Ster củi, tại vị trí thuộc Lô 1 và lô 13 Khoảnh 4; Lô 1 Khoảnh 7; Tiểu khu 1375, thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông Ba, xã U, huyện KP, Gia Lai, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất thường xanh trung bình (TXB) và Rừng gỗ tự nhiên núi đất xanh giàu (TXG). Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện KP xét xử các bị cáo B, Đ, Quang, Thoan, Bảy về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phạm Ngọc B, Hồ Đ, Hồ Th, Hồ Q và Hồ B1 đều khai nhận ngoài các bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện KP đã tuyên còn có hai người tên K2 và Đ2 cùng thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể:

Bị cáo Phạm Ngọc B khai: bị cáo quen biết với K2 và Đ2 khi làm gỗ tại địa bàn huyện KP, khi đi rừng tìm hoa phong lan thấy gỗ Dổi có đường kính lớn nên

đã bàn bạc với K2 và Đ2 tìm nhân công để khai thác gỗ. Bị cáo không quen biết trước với nhóm Hồ Đ mà K2 là người đã liên hệ và Đ2 là người ra tỉnh Quảng Bình để dẫn nhóm Hồ Đ vào huyện KP, tỉnh Gia Lai, bị cáo là người mượn nhà và 01 chiếc xe cho nhóm Hồ Đ đi vào rừng thuộc xã U, huyện KP để khai thác gỗ. Bị cáo biết K2 họ Phạm, địa chỉ của K2 ở xã Đăk Săk, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. K2 có một người em tên Anh ở xã Nam Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông, bị cáo đã đến nhà của người tên Anh. Đối với Đ2 thì bị cáo biết là em họ của K2.

Các bị cáo Hồ Đ, Hồ Th và Hồ B1 khai: sau khi Hồ Q bị bắt quả tang, các bị cáo chạy được ra đến khu vực đèo Tô Na thì K2 là người gọi điện thoại cho Đ hỏi các bị cáo hiện đang ở đâu và đến đón chở về nhà của K2 ở xã Đăk Săk, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông để làm cà phê kiếm tiền về quê. Nhóm của Đ, Thoan, Bảy ở nhà K2 được 10 ngày trong nhà K2 có bố tên Hùng, chị tên Phượng, một em tên Hồ và một em tên Anh, sau đó di chuyển qua ở nhà của em tên Anh tại ở xã Nam Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông 01 ngày mới về quê.

Các bị cáo giải thích tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các bị cáo không khai cụ thể thông tin về K2 và Đ2 là do trước khi bị bắt K2 và Đ2 đã hứa hẹn sẽ lo cho các bị cáo trong quá trình giải quyết vụ việc nhưng K2 và Đ2 không thực hiện, nên tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai cụ thể thông tin về K2 và Đ2 buộc K2 và Đ2 cùng chịu trách nhiệm hình sự và bồi thường với các bị cáo. Đây là tình tiết mới cần được làm rõ để điều tra xử lý toàn diện vụ án mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Do hủy án nên không xem xét kháng cáo của các bị cáo.

[3] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên không ai phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015,

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HSST ngày 29-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện KP, tỉnh Gia Lai.

Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện KP, tỉnh Gia Lai để điều tra lại.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai
- CQCSĐT huyện KP
- VKS huyện KP
- TAND huyện KP(2);
- Chi cục THADS huyện KP
- Bị cáo;
- Lưu VT, THS, HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Bình